

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án
Khu du lịch nghỉ dưỡng Nông trại xanh Trà Nhiều tại thôn Trà Đông,
xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu du lịch nghỉ dưỡng Nông trại xanh Trà Nhiều tại thôn Trà Đông, xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Nông trại xanh Trà Nhiều đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 50/CV-Pari ngày 25/4/2021 của Công ty Cổ phần Pari Nhỏ - Hội An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 357/TTr-STNMT ngày 24/5/2021 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Nông trại xanh Trà Nhiều với diện tích 69.175,12 m² tại thôn Trà Đông, xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là Dự án) do Công ty Cổ phần Pari Nhỏ - Hội An làm Chủ dự án (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án và Chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường
2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án và Chủ đầu tư trong việc thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án.
4. Trường hợp Chủ dự án, Chủ đầu tư vi phạm các quy định tại quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Duy Xuyên, Chủ tịch UBND xã Duy Vinh, Giám đốc Công ty Cổ phần Pari Nhỏ - Hội An; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC05;
- Phòng TN&MT xã Duy Vinh;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2021

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC**



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHU DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG NÔNG TRẠI XANH TRÀ NHIÊU TẠI THÔN TRÀ ĐÔNG, XÃ DUY VINH, HUYỆN DUY XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Các thông tin về Dự án:

- Tên dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng Nông trại Xanh Trà Nhiều.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Pari Nhỏ - Hội An.
- Địa chỉ liên hệ: Thôn Trà Đông, xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

1.2. Phạm vi của Dự án:

Khu du lịch nghỉ dưỡng Nông trại xanh Trà Nhiều thực hiện Dự án với diện tích 69.175,12 m². Dự án có giới hạn như sau:

- + Phía Đông: giáp đường giao thông 3,5m và khu dân cư thôn Trà Đông.
- + Phía Tây: giáp đường giao thông 3,5m và khu dân cư thôn Trà Đông.
- + Phía Nam: giáp đường giao thông 13,5m.
- + Phía Bắc: cách kè sông Trà Đông 11-15m.

1.3. Quy mô của Dự án:

Đầu tư xây dựng khu nhà hàng ẩm thực, khu lưu trú (gồm villa, biệt thự, nhà vườn), khu du lịch giải trí,.. với quy mô lượng du khách phục vụ là 800 khách.

1.4. Các hạng mục chính của Dự án:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích XD (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao (tầng)	Số lô	Diện tích sàn (m ²)
A	Đất dự án		65.543,76	100			
I	Đất xây dựng công trình có mái che		15.208,49	21,99			43.852,82
1	Nhà bảo vệ	BV	39,04		1,0	1,0	39,04
2	Nhà đón tiếp	DT	303,77		2,0	1,0	607,54
3	Nhà hàng	NH	592,66		3,0	1,0	1.777,98
4	Khu chăm sóc sức khỏe	SK	203,07		3,0	1,0	609,21
5	Khu làng nghề	LN	450,80		2,0	1,0	901,60
6	Nhà vườn	NV	8.437,50		3,0	50,0	25.312,50
7	Villa lưu trú	VL	1.440,00		3,0	2,0	4.320,00

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích XD (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao (tầng)	Số lô	Diện tích sàn (m ²)
8	Biệt thự lưu trú	BT	3.271,65		3,0	15,0	9.814,95
9	Chòi ngắm cảnh	CN	400,00		1,0	20,0	400,00
10	Phòng kỹ thuật	KT	70,00		1,0	1,0	70,00
II	Mặt nước, bãi cát, cây xanh cảnh quan và vực khu vực khác		37.379,37	57,03			
1	Mặt nước (hồ bơi)		5.547,15				
2	Hồ cảnh quan	MN1	1.442,16				
3	Đồng lúa 1	DL1	3.728,34				
4	Đồng lúa 2	DL2	6.037,37				
5	Đất cây xanh cảnh quan		25.681,05				
III	Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật		12.955,90	19,77			
1	Bãi đỗ xe	BX	1.261,17				
2	Sân tennis	TN	528,00				
3	Đất giao thông, sân bãi - HTKT khác		11.166,73				
B	Đất ngoài dự án		3.631,36				
1	Mương nước hiện trạng chính tuyến	MN2	3.631,36				
Tổng diện tích lập quy hoạch			69.175,12	100,00			

- Nhà vườn: tầng cao xây dựng 03 tầng, diện tích xây dựng 8.437,5 m² với khoảng 50 căn, chiều cao công trình 13,30 m so với cos nền sân. Nhà vườn bao gồm: Gồm 01 gara, 01 phòng khách, 01 phòng làm việc, 01 phòng giải trí, 04 phòng ngủ và cầu thang bộ.

- Villa lưu trú: tầng cao xây dựng 03 tầng, diện tích xây dựng 1.440 m² với khoảng 02 căn, chiều cao công trình 13,50 m so với cos nền sân. Villa lưu trú bao gồm: Khu sinh hoạt chung, khu dịch vụ giải khát và khu cầu thang.

- Biệt thự lưu trú: tầng cao xây dựng 03 tầng, diện tích xây dựng 3.271,65 m² với khoảng 15 căn, chiều cao công trình 13,50 m so với cos nền sân. Biệt thự lưu trú bao gồm: 01 gara, 01 phòng khách, 01 phòng bếp ăn, 06 phòng ngủ, khu sinh hoạt chung, và cầu thang bộ.

- Chòi ngắm cảnh: tầng cao xây dựng 01 tầng, diện tích xây dựng 400,0 m² với khoảng 20 căn, chiều cao công trình 3,6 m so với cos nền sân. Chòi ngắm cảnh bố trí bàn ghế ngồi phục vụ nhu cầu ngắm cảnh và nghỉ mát của du khách.

- Bảo vệ: Bố trí ngay lối vào chính của khu du lịch: tầng cao xây dựng 01

tầng, diện tích xây dựng 39,04 m², chiều cao công trình 2,8 m so với cos nền sân.

- Nhà đón tiếp: tầng cao xây dựng 02 tầng, diện tích xây dựng 303,77 m², chiều cao công trình 9,4 m so với cos nền sân. Nhà đón tiếp bao gồm khu vực sảnh đón khách, khu vực lễ tân, các phòng làm việc, điều hành, phòng họp và khu vệ sinh.

- Nhà hàng: tầng cao xây dựng 03 tầng, diện tích xây dựng 592,66 m², chiều cao công trình 13,40 m so với cos nền sân. Khu nhà hàng bao gồm: Khu vực bố trí bàn ghế ăn uống và giải khát, phòng sinh hoạt chung, khu vực bếp, khu vực kho, khu vệ sinh.

- Khu chăm sóc sức khỏe: tầng cao xây dựng 03 tầng, diện tích xây dựng 203,07 m², chiều cao công trình 13,50 m so với cos nền sân. Khu chăm sóc sức khỏe bao gồm: Sảnh đón, khu vực lễ tân và dịch vụ hồ bơi, phòng tập thể dục thẩm mỹ, các phòng massage, phòng tập yoga, khu cầu thang và khu vệ sinh.

- Khu làng nghề: tầng cao xây dựng 02 tầng, diện tích xây dựng 450,8 m², chiều cao công trình 10,05 m so với cos nền sân. Khu làng nghề bao gồm các gian trưng bày sản phẩm thủ công, đồ lưu niệm và không gian vệ sinh.

- Phòng kỹ thuật: tầng cao xây dựng 01 tầng, diện tích xây dựng 70,0 m², chiều cao công trình 7,30 m so với cos nền sân. Phòng kỹ thuật bố trí các thiết bị kỹ thuật điện, máy bơm nước, máy phát điện.

- Mặt nước, bãi cát, cây xanh cảnh quan và vực khu vực khác.

+ Mặt nước: với tổng diện tích khoảng 5.547,15 m², chiếm 8,02%.

+ Đồng lúa: với tổng diện tích khoảng 9.765,71 m², chiếm 14,58%.

+ Đất cây xanh cảnh quan: với tổng diện tích 25.681,05 m², chiếm 37,12%

- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật.

+ Bãi đỗ xe: diện tích 1.261,17 m², chiếm 1,82%.

+ Sân tennis: diện tích 528,00 m², chiếm 0,76%. Hàng rào lưới chắn gió bao quanh có kích thước: dài 36,6 m, rộng 18,3 m cao 4,0 m. Bố trí ghế nghỉ có mái che cho vận động viên ở vị trí sát hàng rào, bố trí 8 đèn Bieber 1000W xung quanh sân để đảm bảo chiếu sáng. Sân tennis thiết kế có độ dốc nhẹ $I = 0,83\%$ để đảm bảo thoát nước mưa. Bề mặt sân cao hơn mặt nền sân vườn 1 khoảng = 20 cm.

+ Đất giao thông, sân bãi - HTKT khác: diện tích 11.862,86 m², chiếm 15,70%.

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nội bộ dự án, đảm bảo khớp nối hạ tầng kỹ thuật ngoài dự án.

- Hệ thống giao thông, san nền, cấp thoát nước, cấp điện, chiếu sáng, cây xanh.

- Xây dựng riêng biệt hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất xử lý 235 m³/ngày.đêm tại vị trí phía Bắc dự án. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1 trước khi thoát ra sông Thu Bồn.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

a) Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- Đối với môi trường không khí: Bụi, khí thải, tiếng ồn.
- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn.
- Đối với chất thải: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với môi trường không khí: Bụi, khí thải, tiếng ồn.
- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.
- Đối với chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a) Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- Tiếng ồn, bụi thải: phát sinh từ quá trình phát quang giải phóng mặt bằng.
- Bụi đất: Bụi đất từ hoạt động giao thông.
- Khí thải: phát sinh hoạt động của máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông chủ yếu là CO, NO₂, SO₂.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Bụi, khí thải, tiếng ồn: phát sinh từ hoạt động ra vào khu du lịch, hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải:

a) Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: khối lượng khoảng 4,5 m³/ngày. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS, Nitơ, Tổng P, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.
- Nước thải xây dựng: khối lượng khoảng 5 m³/ngày.đêm chủ yếu từ phun giữ ẩm vật liệu xây dựng, nước rỉ từ hỗn hợp bê tông, vữa xi măng, nước rửa dụng cụ thi công, thùng trộn bê tông sau mỗi ngày làm việc, nước rửa bánh xe.

b) Trong giai đoạn vận hành:

Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động: 195,8 m³/ngày.đêm. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS, Nitơ, Tổng P, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

a) Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng: bao gồm các chất thải hữu cơ (thức ăn, rau thừa,..), các chất thải vô cơ (giấy vụn, carton, vỏ đồ hộp, bao bì, chai lọ,...) khoảng 90 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Xà bần, cát sỏi, vỏ bao xi măng, gạch, cát, đá, gỗ, vụn nguyên liệu. Khối lượng bao bì đựng vật liệu xây dựng ước tính khoảng 30 kg/ngày.

+ Đất bóc hữu cơ 9.000 m³ được đắp tại vị trí trồng cây xanh trong khu vực dự án, không chở ra ngoài.

+ Các đất từ quá trình đào móng xây dựng các công trình phụ trợ với khối lượng 15.797,15 m³ sẽ được tận dụng xây dựng kè chắn và san nền tại khu vực dự án.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn từ quá trình sinh hoạt của du khách, cán bộ công nhân viên phục vụ trong khu du lịch như: bao bì, vỏ hộp, chai, lọ, thức ăn thừa...khoảng 1.056 kg/ngày.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 38,4 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ hoạt động dịch vụ (ăn uống, vui chơi giải trí...) khoảng 105,6 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ các công trình công cộng như lá cây rụng xuống, cành lá cắt tỉa cây xanh thảm cỏ, rom, rạ khoảng 50 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

a) Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải. Khối lượng CTNH khoảng 10 kg/tháng trong toàn bộ quá trình xây dựng.

b) Trong giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, thiết bị điện tử thải bỏ. Khối lượng CTNH phát sinh khoảng 0,8 tấn/năm.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Đối với bụi và khí thải:

- Lập kế hoạch thi công hợp lý tránh giờ cao điểm.

- Đối với khu vực giáp với nhà dân thì che bằng tôn cao 2-4 m.

- Các hạng mục công trình kiến trúc như nhà lưu trú, nhà hàng, ...trước khi tháo dỡ cốp-pha, phun nước tại những khu vực cần tháo dỡ để hạn chế bụi phát tán.

- Tăng cường công tác quản lý các hoạt động thi công và việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại công trường.

- Che chắn tạm thời các bãi để vật liệu chưa dùng đến (đất cát, đá sỏi).

- Lựa chọn tuyến đường vận chuyển dự án theo đường Quốc lộ 1A qua cầu Hà Tân theo đường bê tông vào dự án. Khi đi qua các nhà dân hai bên đường bê tông đoạn vào dự án phải chạy chậm, phun nước tạo độ ẩm trên những đoạn đường này với tần suất 2 lần/ngày (sáng, chiều) và có thể tăng tần suất vào những ngày nắng nóng.

- Hằng ngày cho công nhân quét dọn thu gom bụi đất tại công dự án giao với đường bê tông để tránh gây bụi che khuất tầm nhìn ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

- Lập kế hoạch cung ứng vật tư phù hợp với tiến độ thi công do Chủ đầu tư đưa ra để hạn chế tập trung nhiều xe vào cùng một lúc trên các tuyến đường đồng thời vận chuyển nguyên vật liệu tránh các giờ cao điểm (từ 07h00 đến 08h00; từ 16h00 đến 17h30; từ 22h00 đến 6h00), sử dụng loại phương tiện chuyên chở thích hợp.

- Xe chở nguyên vật liệu phải chở đúng tỷ trọng không chở quá thành xe, chằng buộc, che chắn cẩn thận; dùng dầu DO có hàm lượng thấp. Lái xe phải có bằng lái, không chạy quá tốc độ và chở quá tải trọng cho phép.

- Phương tiện vận chuyển phải thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ.

- Phương tiện vận chuyển sử dụng phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Hạn chế sử dụng máy móc, phương tiện quá cũ để giảm thiểu phát sinh khí thải độc hại.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị thi công và các phương tiện vận chuyển, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trước khi đưa vào vận hành.

3.1.2. Đối với nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Thuê 02 công trình nhà vệ sinh lưu động để phục vụ cho công nhân xây dựng và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng hút cặn.

+ Ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương có điều kiện tự túc ăn ở đến làm việc.

- Nước thải xây dựng: Đối với nước thải rửa dụng cụ sau mỗi ngày làm việc sẽ được thu gom, lắng cặn tại hố lắng, nước lắng cặn được sử dụng tưới giảm bụi công trường.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

- Tiến hành phân loại chất thải, tách riêng các chất có thể tái sử dụng, tái chế để có biện pháp xử lý thích hợp, cụ thể như sau:

+ Gỗ cốp pha, sắt thép vụn, bao bì xi măng: được thu gom, tái sử dụng hoặc bán cho các cơ sở phế liệu tại địa phương.

+ Đất, đá, gạch vỡ được tận dụng để san nền.

+ Đất bóc hữu cơ 9.000 m³ được đắp tại vị trí trồng cây xanh trong khu vực dự án, không chở ra ngoài.

+ Các đất từ quá trình đào móng xây dựng các công trình phụ trợ sẽ được tận dụng xây dựng kè chắn và san nền tại khu vực dự án.

+ Những chất thải còn lại không tận dụng được tập trung thu gom tập kết tại công trường sau đó chứa trong bao nilon buộc kín miệng, tập kết về vị trí tập trung rác thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, thu gom, xử lý chất thải rắn phát sinh như chất thải rắn sinh hoạt.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng rác tại công trường và bố trí công nhân thường xuyên quét dọn thu gom hằng ngày. Lượng rác thải sinh hoạt được tập trung về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt bố trí tại phía Bắc dự án với diện tích khoảng 15m², lắp dựng khung sắt, bao quanh, mái bằng tôn, nền đổ bê tông, có rãnh thoát nước và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại.

- CTNH được thu gom và tập kết tại khu vực riêng biệt so với CTR thông thường.

- Xây dựng kho chứa CTNH bố trí bên cạnh kho chứa CTR, diện tích khoảng 10m², lắp dựng khung sắt bao quanh và mái bằng tôn, nền đổ bê tông, có rãnh thoát nước và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom xử lý đúng quy định.

3.2. Trong giai đoạn hoạt động:

3.2.1. Về xử lý bụi, khí thải:

a) Đối với bụi, khí thải từ hoạt động giao thông:

- Bố trí bãi đỗ xe cho du khách và cán bộ công nhân viên ra vào dự án.

- Xây dựng nội quy bãi đỗ xe, bố trí nhân viên hướng dẫn xe ra vào khu du lịch.

- Phun nước trên đoạn đường phía trước cổng ra vào dự án vào mùa du lịch cao điểm và tại bãi đỗ xe vào những ngày nắng, gió nhiều, lượng xe ra vào lớn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án và xung quanh khu vực bãi đỗ

xe để tạo cảnh quan và hấp thụ bụi khí thải từ phương tiện giao thông.

b) Giảm thiểu khí thải và mùi từ hoạt động đun nấu trong khu vực bếp ăn:

- Đầu tư máy phát điện mới, hiện đại, bố trí trong phòng kỹ thuật có tường bao xung quanh đặt tại ranh giới phía Tây và cách biệt với các khu chức năng khác.

- Sử dụng máy phát điện hiện đại đời mới, có bộ xử lý khí thải và giảm âm.

- Vận hành máy phát điện đúng công suất, đúng chỉ dẫn của nhà sản xuất.

- Thiết bị chống rung, ống khói thu gom khí thải thoát ra môi trường đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường.

- Sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp ($S \leq 0.05\%$) để vận hành máy phát điện.

c) Giảm thiểu khí thải và mùi từ hoạt động đun nấu trong khu vực bếp ăn:

- Bố trí quạt cưỡng bức tại các vị trí phát sinh mùi từ nhà bếp.

- Lắp đặt máy hút khử mùi tại vị trí các bếp nấu.

- Nhà bếp được thiết kế đảm bảo độ thông thoáng, không khí đối lưu tốt.

- Sử dụng khí gas, điện, còn đồng cực để đun nấu. không sử dụng các loại chất đốt khác có khả năng phát sinh khí độc.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng bếp nấu, đường ống dẫn khí gas, van đảm bảo khắc phục kịp thời các trường hợp rò rỉ khí gas.

3.2.2. Về xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt xây dựng độc lập với hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn.

- Nước thải tại từng khu vực được xử lý sơ bộ tại nguồn trước khi xả vào đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- + *Nước thải từ nhà vệ sinh:* Nước thải tại khu nhà vườn, khu villa lưu trú, khu biệt thự, chòi ngắm cảnh sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó theo đường ống HDPE D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu du lịch đặt tại phía Bắc khu du lịch xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

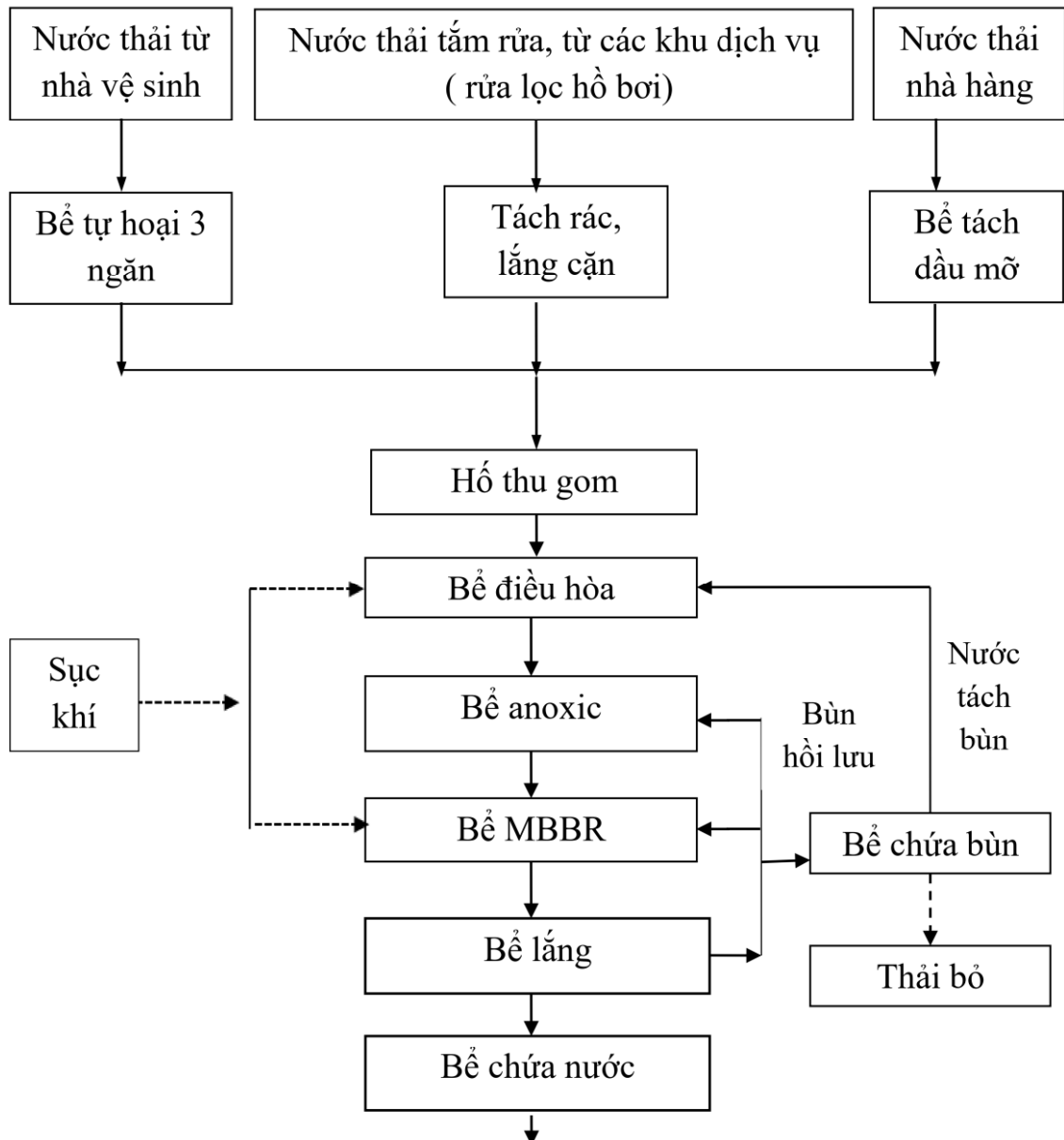
- + *Nước thải từ khu dịch vụ (rửa lọc hồ bơi), nước thải tắm rửa vệ sinh sàn nhà:* được tách rác, lắng cát theo đường ống HDPE D200 dẫn về hồ gom chung hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu du lịch tại phía Bắc.

- + *Nước thải từ nhà hàng (khu vực bếp):* Nước thải từ khu vực nhà bếp được thu gom bằng đường ống riêng biệt về bể thu dầu mỡ. Tại miệng ống thu nước nhà bếp được lắp đặt các nắp song chắn rác để tránh các rác thải theo đường ống làm tắt nghẽn dòng chảy. Tại bể thu, dầu mỡ sẽ tách ra nhờ chênh lệch về tỷ trọng, định kỳ hút đem xử lý đúng quy định. Sau đó nước thải nhà bếp theo đường

ống HDPE D200 dẫn về hồ gom chung hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu du lịch tại phía Bắc.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, k = 1) sau đó thoát ra sông Thu Bồn.

Sơ đồ thu gom xử lý nước thải tại dự án như sau:



Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, k = 1) thoát ra sông Thu Bồn

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Tuyên truyền du khách, cán bộ công nhân viên phân loại rác tại nguồn và thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” theo Chỉ thị 48-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nguyên tắc phân loại rác 3R (Reduction – Reuse – Recycle) giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế.

- Tuyên truyền, vận động công nhân viên và du khách có ý thức về bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh chung.

- Đối với đồng lúa trong khu vực dự án, sẽ thuê người dân gieo sạ và thu hoạch, quá trình này phát sinh rơm rạ sau khi thu hoạch lúa, chủ dự án sẽ bán cho các nhà dân xung quanh làm thức ăn cho chăn nuôi, lúa thu hoạch có thể sử dụng hoặc bán cho các người dân xung quanh.

- Bố trí nhân viên hằng ngày quét dọn và thu gom lá cây, cành cây mục trong khuôn viên dự án; thu gom rác tại các thùng chứa về kho chứa chất thải rắn.

- Bố trí thùng chứa rác tại tất cả vị trí có khả năng phát sinh CTR tại khu phòng lưu trú khách sạn, nhà hàng, văn phòng làm việc, biệt thự.... để thu gom rác thải.

- Xây dựng kho chứa CTR có diện tích khoảng 20 m² bố trí tại phía Bắc dự án để tập trung CTR phát sinh tại khu du lịch trước khi đơn vị có chức năng đến thu gom.

- Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom vận chuyên đi xử lý đúng quy định.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

- CTNH được thu gom lưu chứa trong thùng chứa CTNH và tập kết tại khu vực riêng biệt so với CTR thông thường

- Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 8 m².

- Kho lưu giữ CTNH được xây kín bằng tường gạch, có mái che, nền tráng bằng xi măng chống thấm, có biển báo, xung quanh có rãnh thu nước chảy tràn để phòng sự cố rò rỉ dầu mỡ.

- Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom xử lý đúng quy định. Thực hiện thu gom xử lý chất thải nguy hại theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Bố trí khu kỹ thuật nằm độc lập với các khu dịch vụ, khu khách sạn, biệt thự.
- Lắp đặt đệm cao su chống rung cho các loại thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.
- Định kỳ bảo dưỡng các máy móc, động cơ sử dụng trong khu du lịch, tra dầu bôi trơn các ổ trục và thay thế các thiết bị hư hỏng để hạn chế tiếng ồn.
- Trồng cây xanh xung quanh khu kỹ thuật, xen kẽ giữa các công trình trong khu du lịch và dọc ranh giới khu du lịch, vừa tạo không gian đẹp, vừa tạo vành đai cách ly và hạn chế tiếng ồn.

3.2.6. Các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường:

- Xây dựng hệ thống PCCC theo đúng quy định của pháp luật.
- Xây dựng hệ thống cấp nước đúng tiêu chuẩn phục vụ cho chữa cháy và bố trí ở vị trí quan trọng, thuận tiện để sử dụng khi có sự cố cháy nổ xảy ra.
- Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:
 - + Tuân thủ đúng quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Trong quá trình vận hành có lập nhật ký theo dõi.
 - + Bố trí nhân viên chịu trách nhiệm theo dõi công tác vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.
 - + Lắp đặt các thiết bị dự phòng để phòng ngừa trường hợp máy móc bị hư hỏng.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án được thể hiện ở bảng sau:

STT	Tên công trình	Số lượng	Công suất
1	Hệ thống thoát nước mưa	01 hệ thống	
2	Hệ thống thoát nước thải	01 hệ thống	
3	Hệ thống xử lý nước thải	01 trạm xử lý	235 m ³ /ngày.đêm
4	Kho chứa CTR	1 kho	20 m ²
5	Kho chứa CTNH	1 kho	8 m ²

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

TT	Hạng mục giám sát	Thông số	Vị trí giám sát	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
I Giai đoạn xây dựng					
1	Giám sát nước mặt	pH, DO, TSS, COD, BOD ₅ , NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , NO ₂ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , Clorua, Fe, Zn, tổng dầu mỡ, coliforms.	1 mẫu nước mặt tại cuối mương nước thoát ra sông Thu Bồn	06 tháng/lần	QCVN 08-MT:2015/BTNMT
2	Giám sát CTR, CTNH	Khối lượng, quá trình thu gom, lưu trữ.	- Toàn khu vực dự án. - Khu vực lưu trữ.	Thường xuyên	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT
II Giai đoạn dự án đi vào hoạt động					
1	Giám sát chất lượng nước thải	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Photphat, tổng các chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, tổng Coliforms.	- 01 điểm tại hồ gom nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung khu du lịch. - 01 điểm tại hồ gom nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung khu du lịch.	03 tháng/lần	QCVN 14:2008/BTNMT: (Cột A, k = 1)
2	Giám sát nước mặt	pH, DO, TSS, COD, BOD ₅ , NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , NO ₂ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , Clorua, Fe, Zn. tổng dầu mỡ, coliforms.	1 mẫu nước mặt tại vị trí tiếp nhận nước thải của sông Thu Bồn	06 tháng/lần	QCVN 08 - MT:2015/BTNMT (cột B ₁)

TT	Hạng mục giám sát	Thông số	Vị trí giám sát	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
3	Giám sát CTR, CTNH	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý	- Toàn khu vực dự án. - Khu vực lưu trữ.	Thường xuyên	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT

6. Trách nhiệm của Chủ dự án:

6.1. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

6.2. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

6.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Duy Xuyên để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.5. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

6.6. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Duy Xuyên trước khi bắt đầu tiến hành vận hành thử nghiệm ít nhất 20 (hai mươi) ngày làm việc. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Sau khi kết thúc thời gian vận hành thử nghiệm phải thông báo kết quả hoàn thành về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Duy Xuyên để được theo dõi, giám sát.

6.7. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Duy Xuyên để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vận hành chính thức.

6.8. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại Điểm 4 Khoản 7 Điều 1 tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

7. Các điều kiện liên quan kèm theo:

7.1. Dự án chỉ được triển khai xây dựng khi cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất và thực hiện các quy định khác theo pháp luật hiện hành.

7.2. Thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

7.3. Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh, các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước.

7.4. Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.5. Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, tiếng ồn, có giải pháp hạn chế tình trạng sạt lở, xói mòn và bồi lấp ảnh hưởng đến dòng chảy sông Thu Bồn tại khu vực dự án trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

7.6. Xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, k=1,0); thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, bảo đảm đạt các Quy chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường.

7.7. Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

7.8. Có các biện pháp kỹ thuật an toàn và môi trường phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của Dự án tới các hoạt động giao thông đường bộ; có các biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dự án; thực hiện nghiêm túc chiều cao xây dựng, các yêu cầu về an ninh, quốc phòng; không làm ảnh hưởng đến các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, tới các di tích văn hóa, các hoạt động du lịch trong khu vực.

7.9. Tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án song song với quá trình thi công xây dựng; đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

7.10. Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên thực hiện các biện pháp đảm bảo cuộc sống cho người dân bị mất đất, mất sinh kế để thực hiện Dự án và đảm bảo an ninh, trật tự xã hội; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực lân cận do tác động của việc thực hiện Dự án.

7.11. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho Dự án; tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng cấp nước sinh hoạt, an toàn hóa chất, tài nguyên nước và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án.

7.12. Phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ phế thải xây dựng; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp để đảm bảo việc san lấp mặt bằng, tập kết vật liệu xây dựng, đổ thải phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

7.13. Tuân thủ các quy định hiện hành về: khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

7.14. Đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7.15. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.